

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/HNGĐ-ST

Ngày 18-9-2019

V/v: ly hôn giữa anh T và chị
X

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trường Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Cầm.

2. Ông Trần Bá Vạn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Kiều Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện

V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn T Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2019; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Quang T, sinh năm 1983.

Nơi ĐKKHKT (Nơi ở hiện nay): Thôn V, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Chị Vũ Thị Thanh X, sinh năm 1984.

Nơi ĐKKHKT: Thôn V, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định.

Nơi ở hiện nay: Thôn B, xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Có mặt anh T; vắng mặt không lý do chị X.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 08-5-2019 và quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, nguyên đơn anh Nguyễn Quang T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Vũ Thị Thanh X tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Nam Định vào ngày 01-01-2015 và tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương, sau đó cùng về chung sống với nhau tại nhà của bố mẹ anh ở Thôn V, xã L. Sau kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng vài tháng đầu thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống dẫn đến việc cãi chửi nhau. Chủ yếu là do mâu thuẫn về kinh tế. Đến đầu

năm 2016, chị X có tranh cãi với bố mẹ tôi nên đã giận dỗi bỏ ra ngoài thuê phòng trọ ở được khoảng một năm thì chị X quay về. Gia đình đoàn tụ được một thời gian thì lại phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng lại cãi nhau về việc mua sắm đồ đạc trong gia đình, chị X xin phép mẹ chồng về nhà ngoại chơi nhưng kể từ đó cho đến nay chị X không chịu quay về nhà nữa. Vợ chồng sống ly thân và chấm dứt quan hệ tình cảm từ tháng 10-2017. Chị X về nhà bố mẹ đẻ của chị X ở Thôn B, xã Đ được khoảng 01 tuần thì phát hiện có thai, chị X có điện thoại thông báo cho gia đình nhà chồng biết. Mẹ anh có nói rằng: “Nếu có bầu thì ở lại nhà bố mẹ đẻ cho bố mẹ đẻ chăm, về đây tao không chăm được đâu”. Kể từ đó cho đến khi sinh cháu và đến nay chị X không về. Khi biết tin chị X mang thai thì anh vẫn về nhà ngoại thăm nom chăm sóc chị X, khi chị X chuyển dạ anh cũng đưa chị X đi viện và khi sinh cháu, ở cũ anh cũng ở lại nhà ngoại chăm sóc hai mẹ con chị X, hàng tuần anh vẫn đến chơi với con. Anh và chị X bắt đầu hàn gắn tình cảm và có ý định chuyển ra ở riêng nhưng càng gần gũi và sống với nhau thì lại càng cảm thấy vợ chồng không hợp nhau về mọi mặt, chị X sống chỉ biết đến vật chất, tiền bạc. Vợ chồng luôn bất đồng quan điểm. Anh xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng và đã kéo dài, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, anh không còn yêu thương gì chị X. Vì vậy anh yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết cho anh được ly hôn với chị Vũ Thị Thanh X.

- Về con chung: Anh và chị X có 01 con chung là cháu Nguyễn Việt T, sinh ngày 08-5-2018. Hiện nay cháu T đang ở cùng với chị X tại Thôn B, xã Đ. Ly hôn, anh đề nghị giao cháu T cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng, anh sẽ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị X 1.000.000đ/tháng, kể từ tháng 9-2019 cho đến khi cháu T thành niên, có khả năng lao động tự lập được.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung và các vấn đề khác có liên quan: Anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Đối với bị đơn là chị Vũ Thị Thanh X hiện nay đang cư trú tại gia đình ông Vũ Kim L (Bố đẻ của chị X) ở Thôn B, xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định. Khi tòa án thụ lý vụ án xin ly hôn giữa anh T với chị, Tòa án đã T hành các thủ tục tố tụng và tổng đạt đầy đủ các thủ tục tố tụng cho chị X theo đúng quy định của pháp luật; nhưng chị X cố tình vắng mặt, từ chối khai báo gây khó khăn cho anh T cũng như việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa, cũng như việc chấp hành pháp luật của đương sự.

- Về yêu cầu khởi kiện của đương sự: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Quang T, cụ thể:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa Nguyễn Quang T và chị Vũ Thị Thanh X.

+ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Việt T, sinh ngày 08-5-2018 cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T cấp dưỡng nuôi con chung cho chị X 1.000.000đ/tháng, kể từ tháng 9-2019 cho đến khi cháu T thành niên, có khả năng lao động tự lập được.

+ Về tài sản, công nợ chung và các nội dung khác: Đương sự không đề nghị nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh T phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Vũ Thị Thanh X hiện đang cư trú tại Thôn B, xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định, nên Tòa án nhân dân huyện V thụ lý giải quyết vụ án dân sự về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” giữa anh T và chị X là đúng thẩm quyền.

Qua xác minh có đủ căn cứ xác định chị X đã biết việc Tòa án đang thụ lý giải quyết yêu cầu xin ly hôn của anh T với chị. Nhưng khi Tòa án T hành các thủ tục tố tụng và tổng đạt các thủ tục tố tụng cho chị X thì chị X cố tình vắng mặt, từ chối khai báo gây khó khăn cho anh T cũng như việc giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án có đủ điều kiện xét xử vắng mặt chị X.

[2] Về nội dung vụ án: Anh T và chị X kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền, nên hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống anh T và chị X đã phát sinh mâu thuẫn và ngày càng kéo dài, trầm trọng, vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã sống ly thân và chấm dứt quan hệ tình cảm từ tháng 10-2017 đến nay. Xét điều kiện, vợ chồng anh chị đã mỗi người mỗi nơi, thực sự không còn quan tâm đến nhau. Từ lâu đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng phải thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc gia đình. Tòa án đã nhiều lần thông báo, triệu tập, nhưng chị X không đến làm việc, chứng tỏ chị X đã có ý thức bỏ mặc, không muốn níu kéo tình cảm gia đình với anh T. Anh T cũng xác định vợ chồng anh không còn khả năng đoàn tụ. Như vậy quyền và nghĩa vụ về nhân thân trong mối quan hệ giữa vợ và chồng của anh T và chị X không đúng với quy định tại các Điều 17, 19, 20, 21 của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Quang T, giải quyết cho anh T ly hôn với chị X là phù hợp.

[3] Về con chung: Xác định anh T và chị X có 01 con chung là cháu Nguyễn Việt T, sinh ngày 08-5-2018. Hiện nay cháu T đang ở cùng với chị X. Xét thấy chị X có sức khỏe để tham gia lao động sản xuất và tạo ra thu nhập trang trải cuộc sống; hiện chị X đang có công việc, thu nhập và nơi cư trú ổn định. Gia đình ông Vũ Kim L (Bố đẻ chị X) cũng cam kết tạo điều kiện để chị X ở tại nhà

ông L và hỗ trợ chị X chăm sóc cháu T. Như vậy chị X có đầy đủ các điều kiện cần thiết để được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu T. Ngoài ra, cháu T chưa đủ 36 tháng tuổi. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu T cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp để đảm bảo đầy đủ các điều kiện tốt nhất cho cháu T.

Xét anh T có nguyện vọng được cấp dưỡng nuôi con chung và địa phương cũng xác nhận anh T có công việc, thu nhập ổn định. Theo quy định tại khoản 2 Điều 82, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu được cấp dưỡng nuôi con chung của anh T là phù hợp.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung và những vấn đề khác có liên quan: Đương sự không đề nghị nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Anh T phải nộp theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Anh T và chị X được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Xử lý hôn giữa anh Nguyễn Quang T và chị Vũ Thị Thanh X.

2. Con chung:

Giao cháu Nguyễn Việt T, sinh ngày 08-5-2018 cho chị Vũ Thị Thanh X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T thành niên, có khả năng lao động tự lập được.

Anh Nguyễn Quang T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị X 1.000.000đ (Một triệu đồng) /tháng, kể từ tháng 9-2019 cho đến khi cháu T thành niên, có khả năng lao động tự lập được.

Anh Nguyễn Quang T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị X.

3. Án phí:

3.1. Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Quang T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Số tiền 300.000đ anh T đã nộp tạm ứng án phí, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: BB/2012/09938 ngày 08-5-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Nam Định được đối trừ. Như vậy anh T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

3.2. Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Quang T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Anh Nguyễn Quang T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Vũ Thị Thanh X vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo

bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Trường Nam